

UNIT 10:

COMMUNICATION IN THE FUTURE

A CLOSER LOOK 1

I/ NEW WORDS:

1.voice message/'mes.ɪdʒ/	(n): tin nhắn thoại
2.emoji/i'məʊ.dʒi/	(n): biểu tượng cảm xúc
3. holography /hɒl'ɒɡ.rə.fi/	(n): h.thức g.tiếp=ảnh ko gian 3 chiều
4. social network /,səʊ.ʃəl 'net.wɜ:k/	(n): mạng xã hội
5. group call	(n): cuộc gọi nhóm
6.3D image/'ɪm.ɪdʒ/	(n): ảnh, hình ảnh 3D
7.instantly/'ɪn.stənt.li/	(adv): ngay lập tức
8.abroad/ə'brɔ:d/	(adv): ở nước ngoài
9. translator/træns'leɪ.tər/	(n): máy truyền tin,máy dịch
10.respond/rɪ'spɒnd/	(v): trả lời, đáp lại
11. obtain/əb'teɪn/	(v): đạt được, giành được
12. bachelor/'bætʃ.əl.ə/	(n): cử nhân
13. text /tekst/	(v): nhắn tin
14.translation machine	(n): máy dịch thuật /mə'ʃi:n/
15.language barrier	(n): rào cản ngôn ngữ/'læŋ.gwɪdʒ/